TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/DS-ST
Ngày: 06- 9- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; địa chỉ: Số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lý Tài M1, sinh năm 1965; (có mặt)
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2024 của nguyên đơn ông Lê Hoài T cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày: Trước đây, ông Nguyễn Duy M2 là chủ hộ kinh doanh Thành L tại khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông M2 đã chuyển giao toàn quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng trước đây của hộ kinh doanh T1 cho ông Lê Hoài T theo văn bản thỏa thuận ngày 23/02/2023. Từ ngày 03/07/2017 đến ngày 20/01/2020, ông Nguyễn Duy M2 (chủ hộ kinh doanh T2) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc thủy sản, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H thông qua hợp đồng bằng văn bản nhưng hiện nay hợp đồng bị thất lạc. Các bên thống nhất thỏa

thuận ông M2 sẽ cung cấp các mặt hàng có bán tại cửa hàng cho ông M1, bà H theo đơn đặt hàng. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và có xác nhận theo từng thời điểm, có ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng hoặc ông M1, bà H đến lấy theo đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán hai bên thỏa thuận chậm nhất cuối vụ thu hoạch tôm sẽ thanh toán dứt điểm tiền hàng. Trường hợp nuôi hơn 01 vụ/năm thì phải thanh toán dứt điểm tiền hàng của vụ tôm trước thì mới tiếp tục đặt hàng. Trường hợp nuôi tôm thất vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nếu vi phạm ông M2 có quyền cắt hàng và yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền hàng đang nợ. Sau khi thu hoạch tôm ông M1, bà H không thanh toán dứt điểm tiền hàng nên hai bên ngưng giao dịch. Hai bên đã tiến hành đối chiếu lại công nợ tính đến ngày 30/08/2023, tổng số tiền ông M1, bà H còn nợ là 62.889.000 đồng.

Nay tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Lê Hoài T số tiền còn nợ là 62.889.000 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Đối với tiền lãi trước đây có yêu cầu trả lãi suất chậm thanh toán 10%/năm từ ngày 31/01/2022 đến ngày 25/3/2024 là 02 năm 01 tháng với số tiền 13.503.666 đồng nay xin thay đổi lại yêu cầu là không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lý Tài M1 trình bày ý kiến:* Vợ ông M1 là bà Nguyễn Thị H có mua thức ăn của hộ kinh doanh T1, ông M1 không có đứng ra mua thức ăn của hộ kinh doanh T1 nhưng ông M1 là chủ hộ trong gia đình thì ông M1 cũng đồng ý cùng vợ trả nợ, nhưng phải cho trả từ từ và trước khi nguyên đơn kiện ra Tòa thì bên nguyên đơn phải đến gặp ông M1 để thảo luận trả nợ trước, nếu không thỏa thuận được mới có quyền đi kiện, trong khi chưa gặp ông M1 để thảo luận đã khởi kiện và đi kiện, ông Mến yêu c phía nguyên đơn phải nêu rõ một bao thức ăn là bao nhiêu tiền để ông M1 xem lại coi có đúng giá không. Ông Mến yêu c bên công ty và bên gia đình ông M1 phải đối chiếu lại sổ mua bán coi đúng không, mới có quyền đi kiện. Nếu đúng thì ông M1 mới đồng ý trả nợ và bên nguyên đơn phải đưa ra phương án trả nợ thế nào coi ông M1 đồng ý không, nếu ông M1 không đồng ý trả nợ bên nguyên đơn mới có quyền đi khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị H, nhưng bà H không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho bà H biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 03/07/2017 đến ngày 20/01/2020, ông Nguyễn Duy M2 (chủ hộ kinh doanh T2) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc thủy sản, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H. Các bên thống nhất thỏa thuận ông M2 sẽ cung cấp các mặt hàng có bán tại cửa hàng cho ông M1, bà H theo đơn đặt hàng. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và có xác nhận theo từng thời điểm. Trường hợp nuôi hơn 01 vụ/năm thì phải thanh toán dứt điểm tiền hàng của vụ tôm trước thì mới tiếp tục đặt hàng. Trường hợp nuôi tôm thất vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nếu vi phạm ông M2 có quyền cắt hàng và yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền hàng đang nợ. Sau khi thu hoạch tôm ông M1, bà H không thanh toán dứt điểm tiền hàng nên hai bên ngưng giao dịch. Hai bên đã tiến hành đối chiếu lại công nợ tính đến ngày 30/08/2023, tổng số tiền ông M1, bà H còn nợ là 62.889.000 đồng và hai bên có ký xác nhận công nợ (công nợ do bà Nguyễn Thị H ký xác nhận) Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng các bị đơn không ý kiến kiến phản đối về việc mua bán thức ăn với nhau và bị đơn M1 cùng đồng ý cùng vợ liên đới trả nợ, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn cùng liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 62.889.000 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[3] Đối với tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn có yêu cầu trả lãi suất chậm thanh toán 10%/năm tính từ ngày 31/01/2022 đến ngày 25/3/2024 là 02 năm 01 tháng với số tiền 13.503.666 đồng, nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi lại yêu cầu là không yêu cầu tính lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông M1: Ông M1 thừa nhận bà Nguyễn Thị H là vợ ông M1 có đứng ra mua của hộ kinh doanh T1, ông M1 không có đứng ra mua nhưng ông là chủ hộ trong gia đình thì ông M1 cũng đồng ý trả nợ, nhưng trước khi nguyên đơn kiện ra Tòa thì bên nguyên đơn phải đến gặp ông M1 để thảo luận trả nợ trước, nếu không thỏa thuận được mới có quyền đi kiện và đi kiện phải nêu rõ một bao thức ăn là bao nhiêu tiền để ông M1 xem lại coi có đúng giá không. Ông Mến yêu c bên công ty và bên gia đình ông M1 phải đối chiếu lại sổ mua bán coi đúng không, mới

có quyền đi kiện. Nếu đúng thì ông M1 mới đồng ý trả nợ và bên nguyên đơn phải đưa ra phương án trả nợ thế nào coi ông M1 đồng ý không, nếu ông M1 không đồng ý bên nguyên đơn mới có quyền đi khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch mua bán giữa hai bên là tự nguyện, khi ngưng giao dịch là hai bên đã chốt lại công nợ với nhau vào ngày 30/8/2023, khi chốt lại công nợ nếu phía bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền khởi kiện không cần phải gặp bị đơn để trao đổi, do đó lời trình bày của bị đơn M1 là không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông M1 và bà H phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoài T đối với các bị đơn ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H.

Buộc các bị đơn ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Hoài T số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 62.889.000 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông M1 và bà H phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lý Tài M1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới cùng chịu án phí

là 3.144.450 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Lê Hoài T không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.909.817 đồng (một triệu chín trăm lẻ chín nghìn tám trăm mười bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004782 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng